

Số: 146/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 01 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động
của Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 10/2012/TT-BGTVT ngày 12/4/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe trên đường bộ; Quyết định số 2919/QĐ-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về quản lý hoạt động của Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của Liên bộ: Tài chính - Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 137/2013/TT-BTC ngày 07/10/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách nhà nước cấp;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh về việc thành lập Trạm cân kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-BATGT ngày 13/3/2014 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 383/SNV-CBM ngày 28/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Gia Lai”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ CA; Bộ GTVT; Bộ QP;
- TTr.Tỉnh ủy; TTr.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Ban ATGT tỉnh;
- Công TĐT tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Công Lự

QUY CHẾ

Về tổ chức và quản lý hoạt động của

Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định về tổ chức và quản lý hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Gia Lai.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức, quản lý hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Trạm).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hoạt động

1. Trạm thực hiện kiểm tra tải trọng xe lưu động trên các quốc lộ và hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Hoạt động kiểm tra tải trọng xe lưu động của Trạm thực hiện theo Kế hoạch hoạt động liên ngành (tháng, quý, năm) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trạm quản lý và sử dụng phương tiện, trang thiết bị, công cụ phục vụ công tác theo đúng các quy định về quản lý tài sản công, các quy định của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam về chế độ đăng ký, đăng kiểm, thống kê, kiểm kê, vận hành, bảo trì và chế độ báo cáo.

4. Việc sử dụng bộ cân tải trọng xe lưu động phải đúng mục đích, đạt hiệu quả trong công tác kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền theo quy định nhằm góp phần bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

Chương II

VỀ TỔ CHỨC, KINH PHÍ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, lực lượng thực hiện nhiệm vụ công tác tại Trạm

1. Lực lượng trực tiếp điều hành Trạm gồm: Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng, Ca trưởng.

a) Trạm trưởng: Lãnh đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải.

b) Phó Trạm trưởng: Lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh.

c) Mỗi ca trực tại Trạm có Ca trưởng, Phó Ca trưởng do lãnh đạo Trạm thống nhất Quyết định giao nhiệm vụ theo từng đợt triển khai thực hiện Kế hoạch trong lực lượng trực tiếp phối hợp công tác tại Trạm.

2. Lực lượng trực tiếp phối hợp gồm: Thanh tra viên thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải; Thanh tra viên thuộc Chi cục Quản lý đường bộ III.4; cán bộ,

chiến sĩ Cảnh sát giao thông (PC67), Cảnh sát bảo vệ và cơ động (PC65) thuộc Công an tỉnh; cán bộ, chiến sĩ Kiểm soát quân sự thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cụ thể:

a) Thanh tra Sở Giao thông vận tải: Số lượng Thanh tra viên tại Trạm là 08 người, trong đó, có tối thiểu 04 nhân viên kỹ thuật để vận hành Trạm theo quy trình (03 ca/ngày, mỗi ca 02 người, 02 người dự phòng, bổ sung, thay thế khi cần thiết, kể cả nhân viên kỹ thuật).

b) Thanh tra Chi cục Quản lý đường bộ III.4: Số lượng Thanh tra viên tại Trạm là 04 người (03 ca/ngày, mỗi ca 01 người, 01 người dự phòng, bổ sung, thay thế khi cần thiết).

c) Cảnh sát giao thông Công an tỉnh: Số lượng cán bộ, chiến sĩ Công an tại Trạm là 07 người (03 ca/ngày, mỗi ca 02 người, 01 người dự phòng, bổ sung, thay thế).

d) Cảnh sát bảo vệ và cơ động Công an tỉnh: Số lượng cán bộ, chiến sĩ Công an tại Trạm là 04 người (03 ca/ngày, mỗi ca 01 người, 01 người dự phòng, bổ sung, thay thế).

e) Kiểm soát quân sự thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Số lượng cán bộ, chiến sĩ Kiểm soát quân sự tại Trạm là 04 người (03 ca/ngày, mỗi ca 01 người, 01 người dự phòng, bổ sung, thay thế).

3. Lực lượng hỗ trợ: Cán bộ Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện, cán bộ thuộc Chi cục Quản lý đường bộ III.4 và đơn vị quản lý đường bộ tại địa bàn kiểm tra do Trạm trưởng đề xuất Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định huy động.

4. Lực lượng tham gia công tác tại Trạm có thể thay đổi theo Kế hoạch công tác tháng, quý, năm hoặc theo đợt hoạt động (riêng cán bộ được giao trực tiếp quản lý điều hành và chuyên viên kỹ thuật vận hành Trạm theo quy trình hạn chế thay đổi).

5. Lãnh đạo Trạm có trách nhiệm quản lý toàn diện hoạt động của Trạm trong suốt thời gian thực hiện kế hoạch; đôn đốc, quản lý nhân viên chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong công tác nghiệp vụ.

6. Các lực lượng tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Trạm phải tuân thủ sự phân công, điều hành trực tiếp của Lãnh đạo Trạm. Quá trình giải quyết và xử lý công việc nếu có ý kiến khác nhau giữa các thành viên, Lãnh đạo Trạm là người quyết định cuối cùng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; trường hợp vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo cấp trên để giải quyết.

Điều 4. Tiêu chuẩn, trang bị, chế độ của lực lượng tham gia tại Trạm

1. Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại Trạm được tuyển chọn theo tiêu chuẩn quy định hiện hành; đảm bảo có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ do Thủ trưởng cơ quan quản lý sử dụng công chức, cán bộ, chiến sĩ chọn cử bằng văn bản.

2. Phương tiện, trang bị cho công chức, cán bộ, chiến sĩ của lực lượng tham gia phối hợp công tác tại Trạm thuộc ngành nào, ngành đó cấp và sử dụng theo quy

định của ngành; đồng thời, tăng cường thêm 01 xe ô tô của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, 01 xe mô tô của Thanh tra Sở Giao thông vận tải.

3. Lương và các khoản phụ cấp kèm theo của các thành viên của các lực lượng phối hợp hoạt động tại Trạm do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, chiến sỹ, công chức chi trả theo quy định của Chính phủ.

4. Chi bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ca cho các thành viên tham gia tại Trạm làm nhiệm vụ ca đêm (ca 3 - từ 22 giờ đêm hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau).

5. Các lực lượng tham gia làm nhiệm vụ trực tiếp tại Trạm được tổ chức tập huấn nghiệp vụ, bao gồm quy trình xử lý vi phạm, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên bộ cân tải trọng xe lưu động và được Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận tập huấn theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Trạm được bảo đảm từ Quỹ bảo trì đường bộ địa phương, kinh phí an toàn giao thông địa phương và các nguồn kinh phí khác.

2. Các khoản chi cho hoạt động của Trạm bao gồm: Nhiên liệu dùng cho phương tiện, vật tư, vật liệu, thiết bị, văn phòng phẩm thường xuyên, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, bảo trì, tập huấn, hội họp, kiểm tra, kiểm định, kiểm chuẩn thiết bị, chế độ bồi dưỡng làm nhiệm vụ ca 3 và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Trạm theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các khoản chi khác: Chi phí xây dựng đường để lắp đặt cân, san bãi đặt trạm và các khoản chi khác được duyệt (nếu có).

4. Hàng năm, căn cứ Kế hoạch liên ngành kiểm tra tải trọng xe, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập dự toán chi phí hoạt động thường xuyên thống nhất với Sở Tài chính trình Chủ tịch Hội đồng quỹ bảo trì đường bộ địa phương quyết định phân bổ kinh phí hoạt động; nguồn hỗ trợ kinh phí từ Ban An toàn giao thông tỉnh, Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của Ban; nguồn kinh phí hỗ trợ của Tổng cục đường bộ Việt Nam do Tổng cục đường bộ Việt Nam quyết định.

5. Ngoài việc thực hiện Kế hoạch liên ngành, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, theo dõi, chỉ đạo bảo dưỡng trang thiết bị; xây dựng nhà bảo quản phương tiện, mua sắm trang thiết bị và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến quản lý Trạm, lập dự toán chi phí không thường xuyên trình Chủ tịch Hội đồng quỹ bảo trì đường bộ địa phương phê duyệt.

Điều 6. Xây dựng, phê duyệt, ban hành Kế hoạch hoạt động

1. Căn cứ Kế hoạch hoạt động liên ngành kiểm tra tải trọng xe hàng năm và tình hình trật tự an toàn giao thông (TTATGT), tình hình hoạt động của xe quá tải, quá khổ từng địa bàn trong tỉnh hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động xây dựng kế hoạch hoạt động chuyển Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh thực hiện thẩm định trình Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Phó Trưởng ban Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh phê duyệt; trường hợp Phó Trưởng ban Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh đi

vắng, trình Phó Giám đốc Công an tỉnh - Phó Trưởng ban Ban An toàn giao thông tỉnh phê duyệt.

2. Kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo, đồng gửi cho các cơ quan, đơn vị liên quan: Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chi cục Quản lý đường bộ III.4 và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi Trạm hoạt động để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

Chương III

VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TRẠM

Điều 7. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trạm

1. Chức năng:

Trạm là nơi cơ quan quản lý đường bộ thực hiện việc kiểm soát tải trọng xe nhằm bảo đảm TTATGT và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Nhiệm vụ:

a) Kiểm soát đối với xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ về việc chấp hành các quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông khi tham gia giao thông trên đường bộ;

b) Thu thập, cập nhật, tổng hợp, lưu trữ các số liệu liên quan đến tải trọng, khổ giới hạn của xe ô tô, xe máy kéo, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông qua Trạm và công tác xử lý vi phạm tại Trạm để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc khi được yêu cầu.

3. Quyền hạn:

a) Phát tín hiệu, hiệu lệnh yêu cầu người điều khiển phương tiện đưa xe vào nơi quy định để kiểm tra khi phát hiện xe có dấu hiệu quá tải trọng, quá khổ giới hạn cho phép và xe bánh xích tự hành trên đường bộ;

b) Yêu cầu người điều khiển phương tiện xuất trình: Giấy phép lái xe; Giấy đăng ký xe; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (hoặc Giấy phép lưu hành xe đối với xe quân đội lưu thông không làm nhiệm vụ quân sự); Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ;

c) Thực hiện kiểm tra về tải trọng trục xe hoặc tổng trọng lượng xe và khổ giới hạn của xe (bao gồm cả hàng hóa, hành khách trên xe) đối với xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ (trừ xe quân đội làm nhiệm vụ quân sự); việc tuân thủ các quy định trong Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn đường bộ, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích tự hành trên đường bộ;

d) Thực hiện cân đo xe, xác định vi phạm, dẫn xe vi phạm vào bãi hạ tải, kiểm tra, giám sát hạ tải và cân kiểm tra lại sau khi phương tiện đã hạ tải, lập biên bản vi phạm, ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm hành chính trong

lĩnh vực giao thông đường bộ được phát hiện tại Trạm. Trường hợp hành vi vi phạm ở mức phạt vượt quá thẩm quyền, phải chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm đến cấp có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt;

d) Tất cả các trường hợp sau khi cân kiểm tra xe xác định vi phạm chở hàng quá tải trọng phải tiến hành lập biên bản vi phạm; yêu cầu lái xe, chủ xe hoặc chủ hàng phải tự hạ tải theo quy định và phải chịu mọi chi phí và bảo quản hàng hóa trong quá trình hạ tải. Sau khi đã thực hiện việc hạ tải, tổ chức cân lại bảo đảm quy định mới giải quyết cho xe tiếp tục lưu hành.

e) Tạm giữ phương tiện vi phạm, giấy tờ liên quan cho đến khi người vi phạm thực hiện xong các biện pháp khắc phục theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Điều 8. Thời gian làm việc và vị trí kiểm tra tải trọng xe

1. Trạm hoạt động liên tục 24/24 giờ vào tất cả các ngày, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ. Mỗi ngày chia 03 ca làm việc; trong đó ca đêm (ca 3) bắt đầu từ 22 giờ đêm hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau.

2. Vị trí kiểm tra tải trọng xe:

a) Thực hiện quy định tại Thông tư số 09/2013/TT-BGTVT ngày 06/5/2013 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm cân kiểm tra tải trọng xe (QCVN 66:2013/BGTVT) và Quy trình vận hành và bảo trì Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động của Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1472/QĐ-TCCB ngày 11/9/2013. Tùy theo tình hình thực tế, Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh vị trí đặt Trạm bảo đảm phát huy hiệu quả kiểm soát tải trọng; trước mắt, chọn 06 vị trí đặt Trạm trên các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh, gồm có:

- Quốc lộ 14: Chọn 02 vị trí: Tại Km 494+500 (xã Ia Khuol, huyện Chư Păh; Ký hiệu: QL14.1); Km 596+200 (xã Ia Phang, huyện Chư Puh; Ký hiệu: QL14.2);

- Quốc lộ 19: Chọn 03 vị trí: Tại Km 67+500 (xã Song An, thị xã An Khê; Ký hiệu: QL19.1); Km 142+200 (xã Kdang, huyện Đak Đoa; Ký hiệu: QL19.2); Km 159+800 (xã Chư Á, thành phố Pleiku; Ký hiệu QL19.3); Km 228+200 (xã Ia Dom, huyện Đức Cơ; Ký hiệu: QL19.4);

- Quốc lộ 25: Chọn 01 vị trí: Tại Km99 (khu vực cầu Lệ Bắc, xã Ia Xiêm, huyện Krông Pa; Ký hiệu: QL25.1);

b) Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải phối hợp với các sở, ngành liên quan lập dự toán kinh phí đầu tư, mở rộng thêm mặt đường với quy mô $B_m = 5$ mét, $L = 100$ mét, lắp đặt camera giám sát hoạt động tại các vị trí nói trên trình Hội đồng quy bảo trì đường bộ địa phương quyết định.

3. Các vị trí đặt Trạm trên hệ thống đường địa phương giao cho Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, thống nhất với Công an tỉnh quyết định.

Điều 9. Các hành vi nghiêm cấm

1. Đối với các lực lượng tại Trạm:

a) Sách nhiễu, gây phiền hà, nhận hối lộ của chủ xe, chủ hàng người điều khiển phương tiện hoặc người môi giới dưới mọi hình thức;

b) Môi giới, chỉ dẫn hoặc có hành động tiếp tay cho người điều khiển phương tiện để trốn tránh việc bị kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về tải trọng, khổ giới hạn theo quy định của pháp luật;

c) Tác động, điều chỉnh làm sai lệch kết quả kiểm tra; sửa chữa làm sai lệch các số liệu kiểm tra, biên bản, hồ sơ vi phạm; thực hiện giải quyết miễn, giảm hình thức, mức xử phạt vi phạm hành chính không đúng quy định của pháp luật đối với người điều khiển phương tiện vi phạm;

d) Tự động đưa Trạm kiểm tra tải trọng xe hoạt động ngoài các vị trí quy định khi chưa được sự chấp thuận của lãnh đạo cơ quan quản lý có thẩm quyền;

đ) Các hành vi can thiệp vào việc xử lý vi phạm hoặc báo cáo sai số liệu, kết quả kiểm tra tải trọng xe.

2. Đối với chủ phương tiện, chủ hàng hóa, người điều khiển phương tiện và các đối tượng khác liên quan: Đưa, môi giới hối lộ nhằm tác động, can thiệp vào kết quả xử lý; không chấp hành, cản trở, trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng chức năng thực thi công vụ.

Điều 10. Quản lý, sử dụng, vận hành và bảo trì bộ cân lưu động

1. Quản lý, sử dụng, vận hành và bảo trì bộ cân lưu động theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và quy trình, tiêu chuẩn quy định hiện hành.

2. Duy trì trạng thái hoạt động bình thường của bộ cân lưu động giữa hai kỳ kiểm định, kiểm chuẩn theo quy định; kiểm tra tình trạng kỹ thuật trước khi đưa bộ cân lưu động vào hoạt động.

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Trạm cập nhật kết quả kiểm tra, gửi thông tin và số liệu xử lý vi phạm hàng ngày vào Cổng thông tin điện tử của hệ thống, kết nối Internet truyền về máy chủ của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; đồng gửi qua hộp thư điện tử công vụ về Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh để theo dõi qua trình hoạt động theo mẫu quy định tại **phụ lục 2**.

2. Các nhân viên Trạm phải chấp hành nghiêm kỷ luật công vụ, có ngôn phong đúng mực; thực hiện đúng nội quy của Trạm.

3. Trưởng trạm hoặc ủy quyền cho Phó Trưởng trạm cung cấp thông tin hoạt động của Trạm cho phóng viên các cơ quan báo chí để phục vụ công tác tuyên truyền.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ đạo xây dựng, phê duyệt Kế hoạch hoạt động kiểm tra tải trọng xe; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

2. Chỉ đạo đơn vị quản lý đường bộ cử cán bộ tham gia hoạt động tại Trạm theo Kế hoạch.

3. Thống nhất với Sở Tài chính trình Hội đồng quỹ bảo trì đường bộ địa phương tỉnh Gia Lai duyệt cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Trạm.

4. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan xây dựng định mức, đơn giá thuê thiết bị, máy cẩu, máy xúc, bển bãi, nhân công, phí lưu kho bãi,... phục vụ việc hạ tải đối với xe vi phạm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để các chủ phương tiện, lái xe vi phạm thực hiện trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến lỗi đã vi phạm gây ra.

5. Chỉ đạo tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm tra tải trọng xe trên địa bàn gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh theo mẫu quy định tại **phụ lục 1**.

6. Tổ chức sơ kết chuyên đề rút kinh nghiệm trong quản lý và phối hợp điều hành; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp khắc phục những điểm bất hợp lý và bổ sung hoàn thiện Quy chế quản lý hoạt động của Trạm.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải chỉ đạo xây dựng, phê duyệt Kế hoạch hoạt động kiểm tra tải trọng xe; phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

2. Bố trí đủ cán bộ chiến sĩ tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại Trạm theo Kế hoạch.

3. Chủ trì triển khai công tác phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại Trạm và các tuyến có đặt Trạm. Có phương án chủ động phòng ngừa các hành vi chống đối; ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi vi phạm.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

1. Bố trí đủ cán bộ chiến sĩ tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại Trạm theo Kế hoạch.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra tải trọng xe; phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Thẩm định, thống nhất với Sở Giao thông vận tải trình Hội đồng quỹ bảo trì đường bộ địa phương duyệt cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Trạm;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan xây dựng định mức, đơn giá thuê thiết bị, máy cẩu, máy xúc, bển bãi, nhân công, ... phục vụ việc bắt buộc hạ tải đối với xe vi phạm chở hàng hóa quá khổ, quá tải.

Điều 16. Trách nhiệm của Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh

1. Giúp Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh thẩm định Kế hoạch hoạt động kiểm tra tải trọng xe; tham mưu tổ chức phối hợp liên ngành kiểm tra định kỳ, đột xuất, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; nắm bắt thông tin kiến nghị và đề xuất các giải pháp để lãnh đạo các ngành xem xét triển khai thực hiện; định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu đột xuất tổng hợp tình hình công tác kiểm soát tải trọng xe báo cáo Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng ban Ban An toàn giao thông tỉnh hỗ trợ kinh phí cho lực lượng liên ngành thực hiện nhiệm vụ tại Trạm.

3. Phối hợp tổ chức tuyên truyền chuyên đề và lồng ghép trong công tác bảo đảm an toàn giao thông phù hợp với kế hoạch tuyên truyền hàng năm của Ban An toàn giao thông tỉnh.

Điều 17. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các lực lượng chức năng phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh trong việc xác định vị trí đặt Trạm, bãi hạ tải và hỗ trợ hoạt động kiểm tra tải trọng xe theo đề nghị của lãnh đạo Trạm.

Điều 18. Trách nhiệm của Trạm trưởng

1. Quản lý, điều hành chung hoạt động của Trạm theo đúng quy định của quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

2. Xây dựng nội quy của Trạm trình Giám đốc Sở Giao thông vận tải phê duyệt để tổ chức thực hiện.

3. Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Trạm trình duyệt theo quy định tại Điều 6 bản Quy chế này.

4. Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên của Trạm báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải trình Hội đồng quỹ bảo trì đường bộ địa phương phân bổ kinh phí hoạt động.

5. Chịu trách nhiệm về việc bảo trì trang thiết bị của Trạm trừ xe chuyên dụng và bộ cân kiểm tra tải trọng xe. Lập sổ theo dõi công tác bảo trì phương tiện, thiết bị của Trạm.

6. Đề xuất thay thế thành viên không chấp hành Quy chế hoạt động, nội quy của Trạm; không tuân thủ sự phân công của Trạm trưởng hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

7. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trạm.

8. Trưởng Trạm chỉ đạo lập sổ kiểm tra, nhật ký công tác, giao nhận ca trực hàng ngày để theo dõi quản lý. Cập nhật số liệu, báo cáo hàng ngày kết quả và tình hình kiểm tra, xử lý vi phạm tải trọng xe theo quy định.

9. Liên hệ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hợp đồng thuê phương tiện, thiết bị, kho, bãi, nhân công, ... phục vụ cho việc buộc chủ phương tiện, lái xe hạ tải phần quá tải, tháo dỡ phần quá khổ.

10. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của Phó Trạm trưởng

1. Quản lý, điều hành hoạt động của Trạm theo phân công của Trạm trưởng.

2. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan quản lý, cấp trên trực tiếp và trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Ca trưởng

1. Điều hành mọi hoạt động trong ca trực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Chịu trách nhiệm về việc vận hành Trạm trong ca làm việc.

2. Quản lý nhân sự, tài sản, phương tiện, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm, hóa đơn, chứng từ, biên bản vi phạm được giao trong phạm vi ca trực; tiếp nhận và bàn giao nhật ký công tác, tài liệu ca trực đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước Trạm trưởng và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ca trực do mình phụ trách. Chịu trách nhiệm liên đới đối với các vi phạm của các thành viên trong ca trực.

4. Báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Trạm trưởng những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Phó Ca trưởng

1. Điều hành hoạt động trong ca trực theo sự phân công của Ca trưởng.
2. Chịu trách nhiệm trước Ca trưởng và pháp luật về toàn bộ hoạt động của ca trực trong phạm vi được giao.
3. Báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Ca trưởng những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của nhân viên kỹ thuật vận hành trang thiết bị

1. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Trạm trưởng và Ca trưởng.
2. Chịu trách nhiệm trước Ca trưởng và pháp luật trong phạm vi trách nhiệm được giao.

Điều 23. Nhiệm vụ cụ thể của các lực lượng tham gia hoạt động tại Trạm

1. Thanh tra giao thông:
 - a) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện việc vận hành Trạm;
 - b) Hướng dẫn các phương tiện vào vị trí kiểm tra và tiến hành vận hành Trạm; cung cấp thông tin cho các lực lượng có thẩm quyền xử lý vi phạm;
 - c) Phối hợp với các lực lượng khác trong việc dẫn xe vi phạm vào bãi hạ tải; sau khi chủ phương tiện, chủ hàng hoặc lái xe đã tự thực hiện việc hạ tải phần quá tải, tháo dỡ phần quá khổ, tổ chức cân, đo lại đảm bảo quy định mới giải quyết cho xe tiếp tục lưu hành;
 - d) Phối hợp với Cảnh sát Giao thông tổng hợp kết quả hoạt động của Trạm và báo cáo theo quy định.
 - đ) Lập biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết phải sử dụng camera, máy ảnh để ghi, lưu hình ảnh.

2. Cảnh sát giao thông:

- a) Phát hiện và thực hiện hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm soát và phối hợp cân trọng tải;
- b) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này theo sự phân công của Ca trưởng hoặc lãnh đạo Trạm;
- c) Phát hiện và xử lý xe ô tô vận tải hàng hóa khi đến khu vực Trạm vi phạm về tốc độ, khoảng cách, làn đường và các vi phạm khác;

3. Cảnh sát bảo vệ và cơ động:

Chủ trì, phối hợp với lực lượng tại Trạm, lực lượng Cảnh sát khác và chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo an toàn, trật tự tại khu vực kiểm tra tải trọng xe.

4. Kiểm soát quân sự:

Kiểm tra, kiểm soát đối với các xe mang biển số quân sự, đưa các xe vi phạm quá tải trọng, quá khổ giới hạn vào vị trí kiểm tra (*trừ xe quân đội làm nhiệm vụ quân sự*).

Chương V
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế này, lập thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Thành viên Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Công an tỉnh, Chi huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phổ biến quán triệt, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung của Quy chế này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



* Hoàng Công Lự

Phụ lục 1
MẪU BÁO CÁO CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BÁO CÁO
KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM TÀI TRỌNG XE

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN:

1. Lực lượng tham gia:
2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ:
 - Đánh giá những mặt đạt được:
 - Đánh giá những tồn tại, khó khăn:
 - Rút ra kinh nghiệm, phương án khắc phục các tồn tại, khó khăn:

II. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

III. SỐ LIỆU TỔNG HỢP (từ...h... ngày / đến.....h...ngày / /201...)

TT	Tên đường	Số xe vi phạm bị xử lý	Số hàng hóa phải hạ tải (tấn)	Số Giấy phép lái xe bị tước	Tiền xử phạt (theo QĐ xử phạt)	Ghi chú
1	Quốc lộ 19					
2	Quốc lộ 14					
3	Quốc lộ 25					
4	Quốc lộ 14C					
5	ĐT 661					
...	...					
	Tổng					

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu :....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú : Trong khi Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia chưa có quy định biểu mẫu báo cáo, cho phép Ban ATGT tỉnh vận dụng biểu mẫu này thực hiện báo cáo định kỳ mỗi quý gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục 2
MẪU BÁO CÁO CỦA TRẠM KTTTXLĐ TỈNH GIA LAI

BÁO CÁO
KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM TẢI TRỌNG XE

I. SỐ LIỆU TỔNG HỢP (từ..... h..... ngày.../ đếnh... ngày / /201...).

1. Phân loại vi phạm:

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Loại xe kiểm tra			Ghi chú
				Xe thân liên	Xe đầu kéo RM/SMRM	Xe thân liên RM/SMRM	
1	Số xe vào kiểm tra	Xe					
2	Số xe không vi phạm sau khi cân	Xe					
3	Số xe vi phạm bị xử lý, trong đó:	Xe					
3.1 Xử lý theo Điều 24 Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ							
3.1.1	- Xe vi phạm từ 10% đến 40% (xe dưới 5 tấn) - Xe vi phạm từ 5% đến 30% (Xe trọng tải 5 tấn trở lên)	Xe					
3.1.2	- Xe vi phạm trên 40% (Xe trọng tải dưới 5 tấn) - Xe vi phạm trên 30% (xe trọng tải từ 5 tấn trở lên)	Xe					
3.1.3	- Xe vi phạm quá khổ	Xe					
3.4 Xử lý theo Điều 33 Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ							
3.4.1	- Xe vi phạm từ 10% đến 20%	Xe					
3.4.2	- Xe vi phạm trên 20%	Xe					
3.4.3	- Xe vi phạm khác	Xe					
4	Số xe phải hạ tải	Xe					
5	Khối lượng hạ tải	Tấn					
6	Số giấy phép lái xe bị tước	GPLX					
7	Tiền xử phạt theo QĐ xử phạt	1000đ					

2. Biện số xe, loại xe và lỗi vi phạm:

TT	BIỆN SỐ	LOẠI XE	SỐ TRỤC	LỖI VI PHẠM	GHI CHÚ
1	81L 0369	Xe thân liên (Trọng tải trên 5 tấn)		Quá tải trọng 45%	
2	47L 9070	Xe đầu kéo RM/SMRM		Quá tải trọng 75%	
3	50H 6112	Xe thân liên RM/SMRM		Quá tải trọng 35%	
4	77H 9226	Xe tải (Trọng tải dưới 5 tấn)		Quá trọng tải 90%	
...	

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN:

1. Lực lượng tham gia:

2. Thời gian và vị trí làm việc:

TỔ CÔNG TÁC	THỜI GIAN		VỊ TRÍ LÀM VIỆC (Quốc lộ, đường tỉnh, lý trình, địa danh ^(*))	GHI CHÚ
	Từ giờ	Đến giờ		
Ca 1				
Ca 2				
Ca 3				

3. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ:

- Đánh giá những mặt đạt được:
- Đánh giá những tồn tại, khó khăn:
- Rút ra kinh nghiệm, phương án khắc phục các tồn tại, khó khăn:

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

TRẠM TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú : (*) Có thể ghi ký hiệu như quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

Nơi nhận :

- Sở GTVT;
- Công an tỉnh;
- Văn phòng Ban ATGT tỉnh;
- Lưu VT Trạm KTTTXLĐ.